

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/DS-PT

Ngày: 17/5/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Sử Văn N, sinh năm 1954, Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2018).

2. Bị đơn: Ông Trần Hữu C, sinh năm 1952 và bà Lê Thị C, sinh năm 1955 (vợ ông C).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Hữu C và bà Lê Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ủy quyền cho ông Sử Văn N trình bày:*

Vào ngày 10/3/2017, ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng ông Trần Hữu C và bà Lê Thị C (vợ ông C) vay số tiền là 900.000.000 đồng (trong đó chỉ có 400.000.000 đồng tính lãi 06%/tháng), mục đích để làm kinh tế sản xuất nuôi cá tra bột, hai bên có làm biên nhận do ông C viết, trong biên nhận chỉ có ông C ký tên đại diện, khi nhận tiền thì vợ chồng ông C cùng nhận tiền. Thời hạn vay là 10 ngày đối với số tiền 400.000.000 đồng phải trả tiền vốn và lãi là 06%/tháng, hết thời hạn 10 ngày vợ chồng ông C, bà C không thực hiện lời hứa.

Sau đó, do cần vốn để sản xuất nên vợ chồng ông C hỏi vay thêm của ông T 250.000.000 đồng và ngày 03/5/2017 ông T đã chuyển khoản qua Ngân hàng nông nghiệp (Agribank) chi nhánh Chợ Lách cho vợ chồng ông C vay thêm số tiền là 250.000.000 đồng (không tính lãi suất).

Như vậy, đến ngày 03/5/2017, vợ chồng ông C, bà C nợ ông T là: 1.150.000.000 đồng (trong đó chỉ tính lãi suất 400.000.000 đồng).

Trong thời gian từ 23/3/2017 đến 26/9/2017 vợ chồng ông C, bà C trả cho ông T số tiền: 505.000.000 đồng (gồm 07 lần chuyển khoản qua Ngân hàng nông nghiệp), ông C, bà C còn nợ ông T: 645.000.000 đồng (trong đó có 400.000.000 đồng tính lãi suất). Đến nay số tiền nợ này ông C, bà C không trả lãi và vốn cho ông T.

Đến tháng 5/2018, vợ chồng ông C, bà C mời ông T đến nhà tại xã P để khảo sát hầm cá tra bột chuẩn bị xuất bán, với mục đích là mượn thêm ông T 350.000.000 đồng nữa để mua hầm cá khác về trộn chung xuất bán, nên ngày 04/6/2018 ông T đã chuyển khoản cho ông C, bà C vay thêm số tiền 350.000.000 đồng qua Ngân hàng Agribank Chi nhánh Chợ Lách (không tính lãi). Sau đó, ông C chuyển khoản trả: 02 lần qua Ngân hàng Agribank Chi nhánh Chợ Lách cho ông T số tiền: 191.600.000 đồng. Ông C, bà C còn nợ ông T: 158.400.000 đồng.

Như vậy cộng hai khoản tiền vợ chồng ông C, bà C còn nợ ông T là 803.400.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng ông C, bà C trả số tiền còn nợ 883.400.000 đồng, trong đó nợ gốc là 803.400.000 đồng và nợ lãi của 400.000.000 đồng tính từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 là 12 tháng, lãi suất 20%/năm là 80.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C trình bày:*

Vợ chồng ông C, bà C thừa nhận vào ngày 10/3/2017 có vay của ông T 900.000.000 đồng vào ngày 10/3/2017, lãi suất 6%/tháng có làm biên nhận do ông C đại diện ký tên, mục đích vay để sản xuất cá tra bột. Tuy nhiên, số tiền này là tổng hợp vừa gốc và lãi của các khoản nợ đã vay trước. Sau đó, ông C đã chuyển khoản trả cho ông T qua Ngân hàng Agribank Chi nhánh Chợ Lách: 09 lần, đồng thời đến tận nhà ông T trả trực tiếp cho ông T số tiền còn lại đủ số tiền 900.000.000 đồng này và có trả lãi 5.400.000 đồng. Khi trả số tiền còn lại và lãi

suất thì chỉ có một mình ông C và ông T biết, hai bên không làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến.

Ngày 03/5/2017, ông C, bà C vay của ông T: 250.000.000 đồng. Sau đó 10 ngày ông C đã đến nhà ông T trả cho ông T số tiền này xong, việc trả tiền chỉ có ông C và ông T biết và hai bên không làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến.

Ngày 04/6/2018 ông C, bà C có vay của ông T số tiền 350.000.000 đồng, sau đó 12 ngày ông C đã đến nhà ông T trả cho ông T xong số tiền này và đã trả lãi: 10.000.000 đồng, việc trả tiền chỉ có ông C và ông T biết, hai bên không làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến.

Như vậy, tính đến nay ông C, bà C không còn nợ ông T, nên không thống nhất theo yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện HN đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, về việc đòi tiền cho vay đối với bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C.

2. Buộc bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 882.400.000 đồng (*Tám trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng*), (Trong đó: tiền vay gốc là 803.400.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 của số tiền 395.000.000 đồng được tính lãi là 79.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T; bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T 28.011.000 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm mười một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số: BG/2015 0004014 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (*do ông Sử Văn N nộp thay*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2019, ông C và bà C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông không còn nợ ông T số tiền 882.400.000 đồng vì ông C, bà C đã trả tiền xong cho ông T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T ủy quyền cho ông Sử Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu ông C, bà C trả cho ông T số tiền 882.400.000 đồng (Trong đó: tiền vay gốc là 803.400.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 10-2017 đến tháng 9-2018 của số tiền 395.000.000 đồng được tính lãi là 79.000.000 đồng).

+ Bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng ông bà đã trả xong toàn bộ số tiền vay cho ông T, căn cứ là 9 lần chuyển khoản cho ông T và trả tiền trực tiếp cho ông T tại nhà ông T, nên không đồng ý trả cho ông T số tiền 882.400.000 đồng.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C, bà C thừa nhận có vay của ông T 3 lần, tổng cộng 1.500.000.000 đồng, đã chuyển khoản trả cho ông T 9 lần, số tiền còn lại ông C trực tiếp trả bằng tiền mặt. Tuy nhiên, ông C, bà C vẫn không cung cấp thêm chứng cứ gì mới chứng minh đã trả số tiền vay còn lại cho ông T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T và ông C, bà C đều thống nhất ngày 10/3/2017, ông C, bà C có vay của ông T số tiền 900.000.000 đồng, có biên nhận do ông C viết và ký tên. Ngày 03/5/2017, ông T cho ông C, bà C vay thêm số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 04/6/2018, ông T cho ông C, bà C vay 350.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông C, bà C nợ ông T là 1.500.000.000 đồng.

[2] Theo ông T trình bày, từ ngày 23/3/2017 đến 22/6/2018, ông C, bà C đã trả cho ông T bằng cách chuyển khoản qua Ngân hàng nông nghiệp 9 lần, tổng số tiền là 696.600.000 đồng. Như vậy, ông C, bà C còn thiếu ông số tiền 1.500.000.000 đồng – 696.600.000 đồng = 803.400.000 đồng, trong đó có 400.000.000 đồng tính lãi suất.

Đối với ông C, bà C cũng thừa nhận các khoản tiền vay trên ông bà đã trả cho ông T bằng cách chuyển khoản qua ngân hàng 9 lần. Tuy nhiên, số tiền còn lại ông C đã trực tiếp đến nhà ông T trả đủ các số tiền này nên hiện nay không còn nợ ông T, do đó không thống nhất theo yêu cầu của ông T.

[3] Xét kháng cáo của ông C, bà C cho rằng số tiền còn lại ông C đã đến nhà ông T trả trực tiếp bằng tiền mặt cho ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, lời trình bày của ông C không được ông T thừa nhận, ông T xác định ông C không đến nhà ông T nên ông T không nhận tiền do ông C trả trực tiếp tại nhà ông T. Trong khi đó, ông C cũng thừa nhận việc trả tiền cho ông T không có biên nhận, cũng không ai biết và chứng kiến việc ông C trả tiền cho

ông T. Ngoài ra, ông C cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh việc ông C trả tiền cho ông T. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông C, bà C.

[4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm do ông C, bà C không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét bản án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C, bà C trả số tiền vốn còn nợ cho ông T là 803.400.000 đồng và tiền lãi là 79.000.000 đồng, tổng cộng 882.400.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông C, bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do ông C, bà C là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho ông C, bà C theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu C và bà Lê Thị C.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện HN.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, về việc đòi tiền cho vay đối với bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C.

2. Buộc bị đơn ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 882.400.000 đồng (*Tám trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng*), (Trong đó: tiền vay gốc là 803.400.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2018 của số tiền 395.000.000 đồng được tính lãi là 79.000.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật,

nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn T và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm đối với ông Trần Hữu C, bà Lê Thị C theo quy định do là người cao tuổi.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 28.011.000 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm mười một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: BG/2015 0004014 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (*do ông Sử Văn N nộp thay*).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh DT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân H. HN;
- Chi Cục THA DS H. HN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh